

DU LỊCH VIỆT NAM PHÁT TRIỂN THEO HƯỚNG TRỞ THÀNH NGÀNH KINH TẾ MŨI NHỌN

TSKH. TRẦN NGUYỄN TUYẾN

Ban Kinh tế Trung ương

1. Thực trạng phát triển.

Ngày nay, du lịch là một ngành dịch vụ, một trong những ngành kinh tế hàng đầu, phát triển với tốc độ cao, đem lại những lợi ích về kinh tế - xã hội trong phát triển của nhiều quốc gia. Ngành Du lịch Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đã có bước phát triển mới, đạt được những thành tựu quan trọng:

- *Tăng nhanh lượng khách du lịch và doanh thu từ hoạt động du lịch.* Từ năm 1990 đến nay, du lịch Việt Nam đã có bước phát triển vượt bậc: khách quốc tế tăng hơn 10 lần, từ 250.000 lượt người năm 1990 tăng lên 2,9 triệu lượt người năm 2004, khách nội địa tăng 14 lần, từ 1 triệu lên 14,5 triệu lượt người. Thu nhập từ du lịch tăng trung bình 11,6%/năm, từ 2.240 tỉ đồng năm 1991 lên 26.000 tỉ đồng năm 2004, tương đương 1,7 tỉ USD. Đây là mức tăng trưởng cao so với du lịch các nước trong khu vực và thế giới. Hiệu quả kinh tế - xã hội của hoạt động du lịch ngày càng rõ nét. Theo số liệu thống kê, du lịch chiếm trên 3,5% tổng GDP của cả nước. Du lịch phát triển tác động mạnh mẽ đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phân công lao động xã hội, tạo điều kiện tăng khả năng tiêu thụ tại chỗ, góp phần tăng thu nhập dân cư, thực hiện xóa đói giảm nghèo đối với nhiều địa phương và cả nước.

- *Cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng*

cường. Hoạt động du lịch đã thu hút được nhiều tổ chức, doanh nghiệp (DN), cá nhân thuộc các thành phần kinh tế tham gia. Đến nay, đã có hơn 300 DN được cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế, hơn 2.000 DN đăng ký kinh doanh lữ hành nội địa, trên 3.890 cơ sở đăng ký kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch với trên 74.300 phòng khách sạn và hàng vạn hộ gia đình kinh doanh các dịch vụ, phục vụ khách du lịch. Nhiều khu nghỉ dưỡng cao cấp đạt tiêu chuẩn quốc tế đã được xây dựng và đi vào hoạt động, phương tiện vận chuyển du lịch dần được hiện đại hoá kể cả vận chuyển tàu hoả và tàu thủy du lịch. Ngành Du lịch đã thu hút được trên 25 triệu USD vốn ODA và 6,112 tỉ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với 239 dự án, chiếm 20% tổng số vốn FDI cả nước.

- *Mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh xúc tiến quảng bá trong lĩnh vực du lịch.* Đến nay, du lịch Việt Nam đã thiết lập quan hệ và mở rộng hợp tác với nhiều tổ chức du lịch quốc tế, là thành viên của Tổ chức Du lịch Thế giới, Hiệp hội Du lịch châu Á - Thái Bình Dương, Hiệp hội Du lịch ASEAN, kí hiệp định hợp tác du lịch song phương với 20 nước, có quan hệ bạn hàng với trên 1.000 hãng du lịch của hơn 60 nước và vùng lãnh thổ.

- *Phát triển nguồn nhân lực du lịch, tạo nhiều việc làm cho người lao động.*

Tính đến hết năm 2004, hoạt động du lịch đã thu hút hơn 70 vạn việc làm trực tiếp và gián tiếp. Xác định con người mang tính chất quyết định chất lượng dịch vụ du lịch, Tổng Cục Du lịch đã quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong ngành. Đến nay, hàng chục ngàn lao động được đào tạo về nghiệp vụ du lịch, ngoại ngữ, từng bước đáp ứng yêu cầu chuyên môn cho sự phát triển của ngành.

- *Cơ chế, chính sách phát triển du lịch, nhất là luật pháp từng bước được hình thành và hoàn thiện, tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của ngành.* *Pháp lệnh Du lịch* được ban hành năm 1999 và các nghị định, thông tư hướng dẫn thực hiện *Pháp lệnh* tạo khuôn khổ pháp lý chung cho các hoạt động du lịch. Chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đến năm 2010 được Chính phủ phê duyệt và đang triển khai thực hiện. Hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã có quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, đang tiến hành quy hoạch chi tiết những điểm, khu du lịch.

Tháng 11-1999, Chính phủ đã thành lập Ban Chỉ đạo nhà nước về Du lịch do một Phó Thủ tướng làm Trưởng ban. Hoạt động của Ban đã góp phần giải quyết một số vấn đề liên ngành như đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá du lịch, giải quyết các khó khăn nảy sinh do tính liên ngành của du lịch. Chính phủ đã ban hành quy định miễn visa song phương với một số nước ASEAN, Nhật Bản và Hàn Quốc, đang triển khai miễn visa với một số nước khác. Để thực hiện mục tiêu phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, Tổng cục Du lịch đã chỉ đạo, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch hành động phát triển du lịch.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động du lịch còn bộc lộ những hạn chế,

yếu kém như:

- So với nhiều nước trong khu vực, quy mô của ngành Du lịch còn nhỏ bé, khả năng cạnh tranh hạn chế, nhất là trong điều kiện mở cửa hội nhập với bên ngoài, tính hiệu quả chưa tương xứng với tiềm năng du lịch. Hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, thiếu và yếu về chất lượng, hình thức và chất lượng dịch vụ còn hạn chế.

- Sản phẩm du lịch Việt Nam còn nghèo nàn, chất lượng dịch vụ, tính chuyên nghiệp trong các hoạt động du lịch chưa cao, du lịch Việt Nam có lợi thế cạnh tranh chưa cao so với các nước trong khu vực. Sản phẩm du lịch chủ yếu mới được khai thác ở dạng tự nhiên, chưa được đầu tư xây dựng thành các tuyến du lịch với những sản phẩm hấp dẫn. Chương trình du lịch còn đơn điệu, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của du khách, nhất là dịch vụ giải trí, chữa bệnh, nghỉ dưỡng... Giá dịch vụ du lịch và các dịch vụ liên quan còn cao so với nhiều nước trong khu vực.

- Hệ thống văn bản pháp lý còn thiếu, chưa đồng bộ. Sau 5 năm thực hiện *Pháp lệnh Du lịch*, những văn bản hướng dẫn thực hiện đã bộc lộ nhiều bất cập, một số quy định của *Pháp lệnh* không còn phù hợp với điều kiện mới. Cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong việc quản lý, bảo tồn, tôn tạo tài nguyên du lịch không rõ ràng, dẫn đến tình trạng tài nguyên du lịch bị xuống cấp, xâm phạm, quy hoạch du lịch bị các quy hoạch ngành và địa phương làm thay đổi, biến dạng. QLNN về du lịch chưa hiệu quả, nhất là chưa đảm bảo tính thông thoáng, minh bạch của môi trường kinh doanh.

- Bộ máy tổ chức QLNN về du lịch thiếu tính thống nhất về mô hình tổ chức từ trung ương đến các địa phương. Tổng

cục Du lịch hiện nay chỉ là cơ quan thuộc Chính phủ, không được ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong khi hành lang pháp lý về du lịch lại chưa hoàn chỉnh nên gặp rất nhiều trở ngại trong quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện.

Nguyên nhân của của những hạn chế là:

- Do khả năng đầu tư còn hạn chế, vốn ngân sách còn hạn hẹp, việc huy động vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và các nguồn vốn trong nước, nhất là của khu vực kinh tế tư nhân chưa cao, chưa tạo được hệ thống sản phẩm đồng bộ, chất lượng ngang tầm quốc tế.

- Cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển du lịch còn chưa đồng bộ. Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao. QLNN trong lĩnh vực du lịch liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực khác nhau. Với vị trí của ngành Du lịch, nếu không có một văn bản pháp lý có hiệu lực ở tầm cao (*Luật Du lịch*), sẽ khó giải quyết các mối quan hệ liên ngành. Kể từ khi ban hành *Pháp lệnh Du lịch* năm 1999 đến nay, nhiều văn bản pháp luật mới được ban hành hoặc sửa đổi bổ sung, trong đó có *Luật Doanh nghiệp* (năm 1999) các luật liên quan đến tài nguyên du lịch như *Luật Di sản văn hoá* (năm 2001), *Luật Thủy sản* (năm 2003), *Luật sửa đổi bổ sung Luật Bảo vệ và phát triển rừng* (năm 2004). Một số quy định của *Pháp lệnh Du lịch* đã không còn phù hợp với quy định của các luật có liên quan mới ban hành. Điều này càng đòi hỏi việc ban hành *Luật Du lịch* nhằm đảm bảo sự đồng bộ, tương thích trong hệ thống pháp luật của Việt Nam.

- Bộ máy QLNN của ngành Du lịch từ trung ương đến địa phương, nhìn chung còn chưa tương xứng với nhiệm vụ yêu

cầu đề ra, đội ngũ cán bộ nguồn nhân lực còn thiếu và yếu, tỉ lệ số người được đào tạo nghiệp vụ du lịch còn thấp.

2. Mục tiêu và giải pháp phát triển.

Để thực hiện mục tiêu phát triển du lịch thật sự trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn, ngành Du lịch đã xác định mục tiêu năm 2005 đón khoảng 3-3,5 triệu lượt khách quốc tế, 15-16 triệu lượt khách nội địa, thu nhập trên 2 tỉ USD, chiếm 5% GDP của cả nước. Phát triển du lịch là một hướng quan trọng để thực hiện mục tiêu tăng nhanh giá trị và tỉ trọng kim ngạch xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng của ngành Du lịch được xác định trong Chiến lược phát triển Du lịch Việt Nam 2001 – 2010 trung bình là 11 -11,5%/năm, gấp 1,6 lần tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng cho các ngành dịch vụ cả nước (7-8%). Để thực hiện mục tiêu nêu trên, trong thời gian tới, chúng ta cần tập trung vào một số giải pháp sau:

a. Đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động du lịch

Ngành Du lịch mang tính xã hội hoá rất cao, các tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước và các tầng lớp nhân dân đều có thể tham gia hoạt động du lịch. Nhà nước cần phải ban hành cơ chế, chính sách phù hợp để phát huy mọi nguồn lực đầu tư phát triển du lịch, tham gia kinh doanh dịch vụ du lịch. Ngoài ra, Nhà nước cần giành một phần ngân sách thích đáng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng du lịch, thực hiện công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch để tạo động lực và là “vốn môi” nhằm khuyến khích, huy động nhiều nguồn vốn khác đầu tư vào du lịch.

Nhà nước cần có chính sách khuyến khích cộng đồng dân cư địa phương tham gia và được hưởng lợi từ các hoạt động du

lịch. Hướng dẫn, hỗ trợ người dân địa phương khôi phục, phát triển các ngành nghề truyền thống, văn hoá, văn nghệ dân gian, tạo ra các sản phẩm du lịch đặc sắc, thu hút khách du lịch và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho chính họ. Đồng thời, tăng cường giáo dục các tầng lớp nhân dân phát huy trách nhiệm trong việc giữ gìn tài nguyên du lịch, bảo vệ môi trường du lịch an toàn, sạch đẹp và lành mạnh.

Nhà nước cần tạo khả năng cạnh tranh tâm vĩ mô cho Du lịch Việt Nam thông qua xây dựng kết cấu hạ tầng tốt, đơn giản hoá thủ tục xuất, nhập cảnh, hải quan, cư trú, đi lại; tạo thuận lợi cho hoạt động tham quan, mua sắm; tạo môi trường du lịch an toàn, an ninh, văn minh, lịch sự và hiếu khách thông qua việc ban hành cơ chế, chính sách và tuyên truyền giáo dục du lịch toàn dân, nhất là những người tiếp xúc trực tiếp với khách.

b. Củng cố bộ máy, tăng cường công tác QLNN về du lịch.

Khi xã hội hoá hoạt động du lịch càng sâu và rộng, càng cần tăng cường công tác QLNN chuyên ngành Du lịch. Phải có cơ chế, chính sách ưu tiên phát triển du lịch, phù hợp với điều kiện đất nước, hợp thông lệ quốc tế và xu thế phát triển du lịch thế giới; đồng thời phải thể chế hoá chính sách đó bằng các văn bản quy phạm pháp luật; cần có tổ chức bộ máy QLNN chuyên ngành ổn định, tương ứng nhiệm vụ; quan tâm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và giáo dục du lịch toàn dân.

Hiện nay, *Luật Du lịch* đã được soạn thảo và đang trong quá trình bổ sung, hoàn chỉnh để trình lên Quốc hội xem xét thông qua. Việc ban hành *Luật Du lịch* sẽ đánh dấu một bước quan trọng trong quá trình xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống

luật pháp trong lĩnh vực du lịch.

Về tổ chức, từ vai trò, vị trí, xu hướng phát triển du lịch trên thế giới cũng như ở nước ta và định hướng phát triển du lịch của Đảng và Nhà nước, việc thành lập Bộ Du lịch là *rất phù hợp, cần thiết và hợp lý* để đủ sức đảm đương nhiệm vụ của ngành. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo nhà nước về Du lịch và Ban Chỉ đạo Du lịch các địa phương để tăng cường sự phối hợp liên ngành, liên vùng dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của Chính phủ. Cần thành lập thêm các Sở Du lịch ở những địa bàn du lịch trọng điểm, hoặc nơi có tiềm năng du lịch. Sắp xếp lại các DN nhà nước, hình thành một số tổng công ty mạnh giữ vai trò then chốt và có khả năng cạnh tranh để tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong du lịch; đồng thời, chú trọng phát triển DN vừa và nhỏ.

c. Đa dạng hoá sản phẩm du lịch và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch.

Hiện nay, sản phẩm du lịch Việt Nam chủ yếu được xây dựng trên cơ sở khai thác tài nguyên du lịch có sẵn, chưa được đầu tư chiều sâu cả về kinh phí, công nghệ và chất xám. Để thu hút ngày càng nhiều khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế và tăng tỉ lệ khách quay lại, Việt Nam cần có một chiến lược về sản phẩm du lịch, tăng cường xây dựng các cơ sở dịch vụ giải trí, nghỉ dưỡng cao cấp, đồng thời, đầu tư khôi phục lại những nghề thủ công truyền thống, văn hoá, văn nghệ dân gian tạo ra những sản phẩm du lịch đặc thù.

Cần nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch thông qua việc nâng cao trình độ, nghiệp vụ, ngoại ngữ, thái độ phục vụ của người tham gia hoạt động trực tiếp trong lĩnh vực du lịch, của những người thuộc các lĩnh vực khác có tiếp xúc trực tiếp với

khách du lịch và cộng đồng dân cư nơi có khu du lịch, điểm du lịch.

d. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch và tích cực đi trước trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Công tác tuyên truyền, quảng bá, xây dựng, duy trì và nâng cao hình ảnh của du lịch Việt Nam được các cơ quan nhà nước như Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hoá - Thông tin, Bộ Ngoại giao, các phương tiện thông tin đại chúng phối hợp tổ chức. Công tác tuyên truyền, quảng bá du lịch phải được thực hiện sâu, rộng ở trong và ngoài nước dưới nhiều hình thức, thành những chiến dịch, quy mô lớn, thường xuyên, tập trung vào những thị trường trọng điểm để phát động, củng cố và mở rộng thị trường. Việc thành lập các Văn phòng Xúc tiến du lịch Việt Nam ở các thị trường du lịch tiềm năng lớn là rất cần thiết.

Do đặc thù chứa đựng nhiều yếu tố quốc tế trong hoạt động và để tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế, nguồn vốn, kinh nghiệm, công nghệ cho sự phát triển, ngành Du lịch có điều kiện và buộc phải đi trước trong hội nhập quốc tế, chú trọng hội nhập kinh tế quốc tế đa dạng, đa phương và gắn thị trường du lịch Việt Nam với thị trường du lịch khu vực và thế giới.

d. Khuyến khích đầu tư kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành Du lịch.

Nhà nước cần ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực du lịch. Cụ thể, cần có những chính sách cho các DN du lịch được vay vốn ưu đãi, được miễn giảm thuế sử dụng đất, thuế thu nhập DN khi đầu tư vào các khu du lịch, các cơ sở lưu trú du lịch cần nguồn vốn lớn; ưu đãi về thuế nhập khẩu đối với những mặt hàng được coi là tư liệu sản xuất của ngành Du lịch như phương tiện vận chuyển chuyên

dùng để vận chuyển khách du lịch, các trang thiết bị trong cơ sở lưu trú cao cấp mà Việt Nam chưa sản xuất được, áp dụng mức giá điện, nước thích hợp cho các cơ sở lưu trú du lịch.

Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các khu du lịch, các dự án tạo sản phẩm du lịch đặc thù, chất lượng cao. Thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA cho phát triển nguồn nhân lực, công nghệ và bảo vệ môi trường du lịch.

e. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong du lịch.

Thời gian qua, ngành Du lịch đã đạt được kết quả đáng khích lệ trong việc đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực nhưng chưa đáp ứng được đòi hỏi của thị trường và sự phát triển. Chúng ta mới chú trọng đào tạo theo chiều rộng, cố gắng phổ cập nghiệp vụ du lịch đến cán bộ, nhân viên trực tiếp lao động trong ngành du lịch, chưa chú ý đến mức độ tinh thông nghiệp vụ và cao hơn nữa là công nghệ dịch vụ. Trước mắt, cần tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ du lịch cho người lao động trực tiếp trong lĩnh vực du lịch, chú trọng đối tượng ở các địa phương có tốc độ tăng trưởng du lịch cao, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn nhưng có tiềm năng phát triển du lịch. Bên cạnh đó, cần có chương trình bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho các cán bộ, công chức trong ngành để đạt trình độ tinh thông nghiệp vụ, từng bước xây dựng đội ngũ lao động có tính chuyên nghiệp cao trong các lĩnh vực du lịch.

g. Tăng cường công tác bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Cần phân công, phân cấp rõ trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch cho các cơ quan QLNN. Tăng cường

hiệu lực QLNN về tài nguyên, môi trường du lịch, xây dựng và giữ gìn môi trường du lịch (cả tự nhiên và xã hội) lành mạnh trong cả nước. Có chính sách khuyến khích các DN áp dụng công nghệ tiên tiến trong bảo vệ môi trường; huy động sự tham gia và sự đóng góp của cộng đồng dân cư, DN, hiệp hội, khách du lịch và các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội. Lồng ghép đào tạo du lịch và giáo dục về tài nguyên, môi trường du lịch ở các cấp đào tạo về du lịch; chú trọng giáo dục nâng cao nhận thức bảo vệ tài nguyên, môi trường du lịch tự nhiên và xã hội cho du khách và cộng đồng dân cư bằng nhiều hình thức.

Việt Nam được Tổ chức Du lịch Thế giới đánh giá là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng du lịch cao nhất khu vực và thế giới, đứng vào danh sách 60

nước trên thế giới có thu nhập du lịch hàng năm đạt trên 1 tỉ USD. Mười năm trước, ngành Du lịch Việt Nam còn tụt hậu so với các nước trong khu vực, nhưng đến nay khoảng cách này đã được rút ngắn, đuổi kịp và vượt Phi-lip-pin, chỉ còn đứng sau Xinh-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan và In-đô-nê-xi-a. Trong tương lai không xa, ngành Du lịch Việt Nam phấn đấu đuổi kịp các nước có ngành du lịch phát triển hàng đầu trong khu vực, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra □

Tài liệu tham khảo:

1. Chiến lược phát triển của ngành Du lịch giai đoạn 2001 - 2010
2. Báo cáo công tác năm 2004 và nhiệm vụ chủ yếu năm 2005 - Tổng cục Du lịch.
3. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2004 - Tổng cục Thống kê.

* * * * *

VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI...

(Tiếp theo trang 17)

Hoàn thiện cơ sở pháp luật đảm bảo hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, tập trung vào các lĩnh vực xoá đói giảm nghèo, phát triển sự nghiệp y tế, giáo dục.

Năm là, áp dụng đồng bộ các biện pháp giáo dục tuyên truyền, phổ biến và thông tin pháp luật bằng nhiều biện pháp và hình thức thích hợp, nâng cao ý thức pháp luật, hình thành văn hoá pháp luật, đặc biệt là pháp luật trong lĩnh vực văn hoá - xã hội.

Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực xã hội là yêu cầu cơ bản nhằm đảm bảo mục tiêu PTBV. Đã đến lúc chúng ta phải coi

hoàn thiện pháp luật về lĩnh vực xã hội và kinh tế là "hai chân"⁶ của quá trình phát triển hệ thống pháp luật. Tư duy này tạo cơ sở để xây dựng một thể chế hợp lý đáp ứng yêu cầu thực tiễn, và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội □

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB.CTQG, H.2001.

2, 5. Lê Minh Tâm: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB.Công an nhân dân, H.2003, tr. 53, 134-135.

3. Báo cáo tổng thể đánh giá nhu cầu phát triển toàn diện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010.

4, 6. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Tài liệu phục vụ nghiên cứu kết luận Hội nghị Trung ương 10, NXB.CTQG 2004, tr.8, 58.